TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Ông Vũ Kim Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hoài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số B đường H, tổ dân phố D, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Nguyễn Tăng H, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền ngày 27/12/2022);

Địa chỉ: Số A N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số I đường B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án , người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A là ông Nguyễn Tăng H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 nên bà Đỗ Thị A cho cho ông H1, bà H2 vay tiền và mua cà phê, cụ thể:

Ngày 11/12/2013, bà A có mua 600 kg cà phê nhân xô của ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 với giá 35.000đ/01kg, tổng số tiền là 21.000.000 đồng. Ông H1, bà H2 đã nhận đủ tiền (21.000.000 đồng) và hẹn ngày 11/4/2014 sẽ giao cà phê. Tuy nhiên, khi đến hạn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 không giao 600 kg cà phê nhân xô như đã cam kết . Bà A có đòi nhiều lần nhưng ông H1, bà H2 vẫn không giao cà phê nên đến ngày 01/01/2020, hai bên ký lại hợp đồng và hẹn ngày 30/12/2020, ông H1, bà H2 sẽ giao cà phê nhân xô cho bà A. Tuy nhiên, đến nay ông H1, bà H2 vẫn chưa giao 600 kg cà phê cho bà A.

Ngày 01/01/2020, bà A có cho bà H2 vay số tiền 25.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 20.000đ/01triệu/01tháng. Đến nay, dù bà A đã đòi nhiều lần nhưng ông H1, bà H2 vẫn chưa trả khoản tiền gốc, lãi nào cho bà A.

Ngày 01/11/2021, bà A có cho ông H1 vay số tiền 64.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1,5%/01tháng. Đến nay, dù bà A đã đòi nhiều lần nhưng ông H1 vẫn chưa trả khoản tiền gốc, lãi nào cho bà A.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà , nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết 02 yêu cầu sau:

Một là: Buộc ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô.

Hai là: Buộc ông Trần Văn H1 phải trả cho bà A số tiền gốc 64.000.000đồng và lãi suất 1,5%/01 tháng tạm tính từ ngày 02/11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2023) là 21.472.000đồng.

Đối với khoản vay 25.000.000đồng, ngày 06/7/2023 bà A đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền này.

* Theo Biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H2 trình bày:

Bà H2 và bà A là chỗ quen biết với nhau từ lâu , cách đây 10 năm bà H2 có vay tiền của bà A để đáo hạn ngân hàng nhưng sau khi đáo hạn xong thì bà H2 đã trả hết nợ cho bà A, hiện nay bà H2 không còn nợ bà A khoản tiền hay cà phê nào.

Ý kiến của bà H2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà A như sau:

- Đối với 600kg cà p hê nhân xô: Từ trước đến nay bà H2 chưa thực hiện giao dịch mua bán cà phê với bà A lần nào. Đối với chữ ký "hằng" và chữ viết "nguyễn thị lệ hằng" tại mục "Đại diện bên B" trong hợp đồng mua bán tài sản đề ngày 11/12/2013 mà bà A cung cấp cho Tòa án thì bà H2 xác định bà H2 không ký hay viết gì trong nội dung hợp đồng mua bán tài sản này, vì bà H2 không biết chữ. Bà H2 cũng không nhận khoản tiền nào từ bà A.

- Đối với số tiền vay 25.000.000 đồng: Bà H2 xác định bà không vay của bà A khoản tiền này. Đối với chữ ký "hằng" và chữ viết "nguyễn thị Lệ Hằng" tại mục "BÊN MƯỢN TIỀN" trong Giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2020 mà bà A

cung cấp cho Tòa án thì bà H2 xác định bà H2 không ký hay viết gì trong nội dung giấy mượn tiền này, vì bà H2 không biết chữ. Bà H2 cũng không nhận khoản tiền nào từ bà A.

Hiện nay bà H2 và ông H1 đã sống ly thân hơn 10 năm, ông H1 đi đâu làm gì bà H2 không biết. Việc bà A có cho ông H1 vay tiền hay bà A có thực hiện giao dịch mua bán cà phê với ông H1 hay không thì bà H2 không biết, không liên quan, vì đã lâu bà H2 và ông H1 không liên lạc gì với nhau.

Đối với chữ ký và chữ viết của ông Trần Văn H1 trong giấy mượn tiền đề ngày 01/11/2021 và hợp đồng mua bán tài sản đề ngày 11/12/2013 mà bà A cung cấp cho Tòa án, bà H2 không biết ông H1 có ký hay không.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà Đỗ Thị A số cà phê nhân xô còn nợ là 600 kg và số tiền gốc và lãi chậm trả còn nợ là 112.392.221 đồng, bà H2 không đồng ý trả, vì thực tế bà H2 không nợ bà A khoản tiền hay cà phê nào như bà A khởi kiện.

Tại buổi làm việc, bà H2 đã được Tòa án đã giải thích các quy định pháp luật cũng như quyền và nghĩa vụ cho bà H2, nhưng bà H2 không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì trong vụ án này. Vì bà H2 không vay tiền của bà A cũng như không thực hiện giao dịch mua bán cà phê gì với bà A nên bà H2 đề nghị Tòa án không triệu tập bà H2 tham gia tố tụng trong vụ án này. Còn bà A có cho ông H1 vay tiền hay mua bán cà phê với nhau hay không thì bà H2 không biết, không liên quan.

* Theo Biên bản tự khai ngày 27/3/2023 , bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày:

Ông H1 đồng ý với ý kiến của bà A trình bày về mối quan hệ giữa bà A với vợ chồng ông.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì ông H1 có ý kiến như sau:

Ngày 01/11/2021 ông có vay của bà A số tiền 64.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, ông có ký và viết vào giấy mượn tiền . Kể từ ngày vay cho đến nay vì kinh tế khó khăn nên ông chưa trả được số tiền vay trên cho bà A. Đối với số tiền vay này không liên quan đến bà Nguyễn Thị Lệ H2, vì ông vay để sử dụng cá nhân ông.

Ngày 11/12/2013, vợ chồng ông có ký kết hợp đồng mua bán cà phê với bà Đỗ Thị A, cụ thể vợ chồng ông bán cho bà A 600 kg cà phê nhân xô với giá 35.000đ/1kg, quy ra tiền là 21.000.000đồng, ngày trả cà phê ngày 11/4/2014, bà A đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông bà . Vợ chồng ông bà đã ký vào hợp đồng mua bán dưới mục đại diện bên B. Khi đến hạn vợ ông bà H2 đã thực hiện giao cà phê đầy đủ cho bà A, thời gian cụ thể thế nào ông không biết , vì khi giao cà phê chỉ có bà A và bà H2 giao dịch với nhau . Trong hợp đồng mua bán tài sản có nội dung "30/12/2020" và chữ ký viết mang tên Trần Văn H1 là ông viết ký ra , nhưng ông xác định là ông viết ký vào hợp đồng khá c chứ không viết ký vào hợp đồng này .

Do đã trả hết cho bà A 600 kg cà phê nhân xô nên vợ chồng ông không đồng ý trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô.

Ông đã được Tòa án đã giải thích các quy định pháp luật cũng như quyền và nghĩa vụ, nhưng ý kiến ông không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vợ chồng ông đã trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô rồi.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk:*

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự : Nguyên đơn bà Đỗ Thị A và người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông H thực hiện đầy đủ các quyền , nghĩa vụ của đương sự . Bị đơn bà ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

Buộc bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô.

Buộc bị đơn ông Trần Văn H1 phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 85.472.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với số tiền 25.000.000đồng.

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Thủ tục tố tụng:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập yêu cầu ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 đến Tòa án để đối chất , hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông H1, bà H2 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa

vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H1 phải trả cho bà A số tiền gốc 64.000.000đồng, tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng và buộc ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 trả cho bà A 600kg cà phê nhân xô, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 cư trú tại số I đường B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu buộc ông Trần Văn H1 phải trả cho bà A số tiền gốc 64.000.000đồng và lãi suất 1,5%/01 tháng tạm tính từ ngày 02/11/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2023) là 21.472.000đồng.

Xét yêu cầu trả tiền gốc: Bị đơn ông Trần Văn H1 thừa nhận có vay của bà A số tiền 64.000.000đồng vào ngày 01/11/2021. Như vậy, việc ông Trần Văn H1 vay tiền của bà Đỗ Thị A là có thật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà Đỗ Thị A là có cơ sở.

Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại Giấy mượn tiền ghi ngày 01/11/2021 ghi rõ tính lãi suất 1,5%/tháng và đã được ông H1 thừa nhận. Như vậy, lãi suất của khoản vay 1,5%/1tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tiền lãi = 64.000.000 đồng x 22 tháng 11 ngày x 1,5% = 21.472.000 đồng

Vậy, tổng số tiền ông H1 phải trả cho bà A là: 85.472.000đồng (trong đó tiền gốc 64.000.000đồng và tiền lãi là 21.472.000đồng).

[2.2]. Về yêu cầu buộc ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án , nguyên đơn bà Đỗ Thị A đã cung cấp hợp đồng mua bán cà phê đề ngày 11/12/2013 (ở khoảng trống phía trên có ghi ngày 01/01/2020) giữa bà Đỗ Thị A và ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2. Theo đó ngày giao hàng là ngày 11 tháng 4 năm 2014 (sau năm 2014 là dòng chữ: *"hẹn 30/12/2020 trả"*). Bị đơn ông Trần Văn H1 cho rằng: Ngày 11/12/2013, vợ chồng ông có ký kết hợp đồng bán cho bà A 600 kg cà phê nhân xô với giá 35.000đ/1kg, quy ra tiền là 21.000.000đồng, ngày trả cà phê là ngày 11/4/2014, bà A đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông. Vợ ông là bà H2 đã thực hiện giao cà phê đầy

đủ cho bà A, thời gian cụ thể thế nào ông không biết. Trong hợp đồng mua bán tài sản có nội dung "30/12/2020" và chữ ký viết mang tên Trần Văn H1 là ông viết ký ra, nhưng ông xác định là ông viết ký vào hợp đồng khác chứ không viết ký vào hợp đồng này. Do đã trả hết cho bà A 600 kg cà phê nhân xô nên vợ chồng ông không đồng ý trả cho bà A số cà phê này. Tuy nhiên, ông H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Tại biên bản làm việc với tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H2 cho rằng: bà H2 chưa mua bán 600 kg cà phê nhân xô với bà A lần nào, chữ ký "hằng" và chữ viết "nguyễn thị lệ hằng" tại mục "Đại diện bên B" trong hợp đồng mua bán tài sản mà bà A cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên bà H2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình. Đồng thời, tại Kết luận giám định số 563/KL-KTHS, ngày 19/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định chữ ký viết "hằng" dưới mục "Đại diện bên B" Hợp đồng mua bán tài sản g hi ngày 11/12/2013 (01/01/2020) là chữ ký của bà H2.

Như vậy, có căn cứ để xác định ngày 11/12/2013, bà Đỗ Thị A và ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 có thực hiện giao dịch mua bán cà phê với nhau, bà A đã đưa đủ tiền cho ông H1, bà H2 nhưng ông H1, bà H2 chưa giao cà phê cho bà A nên ngày 01/01/2020 hai bên giao hẹn lại ngày 30/12/2020 sẽ giao cà phê. Tuy nhiên, đến nay, ông H1, bà H2 chưa giao cà phê cho bà A. Vậy, từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng quy định tại Điều 430, Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà A 600kg cà phê nhân xô là có cơ sở.

[2.3]. Đối với số tiền 25.000.000đồng, vào ngày 06/7/2023 bà A có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần đình chỉ theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 600 kg cà phê nhân xô là (600kg x 65.600đồng/1kg) x 5% = 1.968.000 đồng.

Ông Trần Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 85.472.000 đồng là: 85.472.000đồng x 5% = 4.273.600 đồng.

Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 3.439.806 đồng mà bà Lê Thị Bích L đã nộp thay cho bà Đỗ Thị A theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0015247 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí giám định: Ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu 5.100.000đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Bà Đỗ Thị A được nhận lại số tiền 5.100.000 đồng (*Năm triệu một trăm nghìn đồng*) khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana thu được tiền chi phí giám định của ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 275, 357, 385, 430, 431, 433, 434, 463,466, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

+ Buộc bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải trả cho bà A 600 kg cà phê nhân xô.

+ Buộc bị đơn ông Trần Văn H1 phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 85.472.000 đồng (tám mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với số tiền 25.000.000 đồng.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.968.000 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) và ông Trần Văn H1 phải chịu 4.273.600 đồng (bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 3.439.806 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số : AA/2021/0015247 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí giám định chữ viết ký: Ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Bà Đỗ Thị A được nhận lại số tiền 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana thu được tiền chi phí giám định của ông Trần Văn H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thành